

PHONICS (Phát âm)



EXERCISE (Bài tập).

PHONICS

1. Circle the word whose underlined part is pronounced differently from the rest. Khoanh và từ có phần gạch chân phát âm khác.

- | | | | |
|---------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| 1. A: t <u>oy</u> | B: d <u>oll</u> | C: r <u>ob</u> ot | D: b <u>oy</u> |
| 2. A: pl <u>a</u> ne | B: c <u>a</u> r | C: b <u>ab</u> y | D: d <u>a</u> y |
| 3. A: sh <u>i</u> p | B: d <u>i</u> nosaur | C: n <u>i</u> ne | D: l <u>i</u> ke |
| 4. A: t <u>e</u> ddy bear | B: m <u>o</u> nster | C: b <u>u</u> ilding s <u>e</u> t | D: s <u>e</u> ven |
| 5. A: p <u>uzz</u> le | B: u <u>mb</u> rella | C: t <u>ry</u> ck | D: w <u>ond</u> erful |

VOCABULARY & GRAMMAR

1. Listen and tick the correct picture. (Nghe và đánh dấu vào bức tranh đúng)



67

English Discovery 3

2. Listen and number. Nghe và viết số theo thứ tự vào bức tranh



3. Listen and write "a" or "oy" the match. Nghe và viết "a" hoặc "oy" rồi nối



4. Reorder the letters. (Sắp xếp chữ cái để được từ đúng.)



LIVEWORKSHEETS